

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1121/QĐ-ĐHKQTĐ

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo POHE Quản lý thị trường, ngành Kinh doanh thương mại trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy, áp dụng từ khóa 63 (tuyển sinh năm 2021)

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/11/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ – TTg ngày 17/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân giai đoạn 2015 – 2017 và Nghị quyết 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10 năm 2017;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 04 năm 2015 ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Biên bản thông qua Chương trình đào tạo POHE Quản lý thị trường, ngành Kinh doanh thương mại trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Hội đồng Khoa học và Đào tạo họp ngày 29/4/2021 và Biên bản thông qua Chương trình đào tạo POHE Quản lý thị trường, ngành Kinh doanh thương mại trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy của Hội đồng thẩm định ngày 3/6/2021;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo Tiên tiến Chất lượng cao và POHE và Viện trưởng Viện Thương mại và Kinh tế quốc tế về việc ban hành Chương trình đào tạo POHE Quản lý thị trường, ngành Kinh doanh thương mại trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy áp dụng từ khóa 63 (tuyển sinh năm 2021),

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo POHE Quản lý thị trường, ngành Kinh doanh thương mại trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy áp dụng từ khóa 63 (tuyển sinh năm 2021).

(có Chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

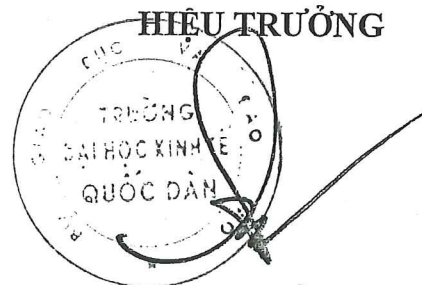
**Điều 2.** Viện Đào tạo Tiên tiến Chất lượng cao và POHE, Viện Thương mại và Kinh tế quốc tế và các Khoa/Viện, đơn vị trong Trường tổ chức thực hiện Chương trình đào tạo theo đúng quy định của pháp luật và quy chế của Trường.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng từ khóa 63 (tuyển sinh năm 2021).

**Điều 4.** Viện trưởng Viện Đào tạo Tiên tiến Chất lượng cao và POHE, Viện trưởng Viện Thương mại và Kinh tế quốc tế, Trưởng phòng Quản lý đào tạo và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:** 

- Bộ GDĐT (để báo cáo);
- Đảng ủy (để báo cáo);
- BGH (để chỉ đạo);
- Như điều 4;
- Công TTĐT (để thông báo);
- Lưu P.TH, V.ĐTTT,CLC,POHE.



**PGS.TS. Phạm Hồng Chương**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**(Chương trình POHE)**

*(Ban hành theo Quyết định số .... ngày ... tháng ... năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường ĐH KTQD)*

**Ngành: KINH DOANH THƯƠNG MẠI**

**Major: Commercial Business**

**Chuyên sâu: QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG**

**Speciality: Market Surveillance**

**Mã ngành (Code of Major): 7340121**

**Hệ: CHÍNH QUY**

**Type of Education: Full-time**

**HÀ NỘI - 2021**



## MỤC LỤC

1. Mục tiêu/objective .....	2
1.1. Mục tiêu chung/general objective .....	2
1.2. Mục tiêu cụ thể/ specific objectives .....	2
1.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp/ job opportunity after graduate .....	3
2. Chuẩn đầu ra (theo thông tư 07/2015).....	4
2.1. Kiến thức/ knowledge.....	4
2.1.1. Kiến thức cơ bản:.....	4
2.1.2. Kiến thức chuyên sâu: .....	4
2.2. Kỹ năng/ skills .....	4
2.1.1. Kỹ năng cứng.....	4
2.1.2. Kỹ năng mềm.....	4
2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm/ self-control and self-responsibility .....	5
2.4. Tin học / computer skills .....	5
2.5. Ngoại ngữ / foreign language skills.....	5
3. Năng lực người học / learner capabilities .....	5
4. Khối lượng kiến thức toàn khóa: .....	6
5. Đối tượng tuyển sinh /applicants for enrollment.....	7
6. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp /study process and graduation requirements..	7
7. Cách thức đánh giá: .....	7
8. Cấu trúc, nội dung và kế hoạch giảng dạy.....	8
8.1. Cấu trúc kiến thức.....	8
8.2. Nội dung chương trình đào tạo (dự kiến) .....	8
9. Hướng dẫn thực hiện .....	22



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số ..../QĐ-ĐHKQTĐ ngày ... tháng ... năm 2021 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế quốc dân)*

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO (LEVEL OF EDUCATION):	ĐẠI HỌC (UNDERGRADUATE)
NGÀNH ĐÀO TẠO (MAJOR):	KINH DOANH THƯƠNG MẠI (COMMERCIAL BUSINESS)
CHUYÊN SÂU (SPECIALITY):	QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG (MARKET SURVEILLANCE)
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO (CODE):	7340121
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO (TYPE OF EDUCATION):	CHÍNH QUY (FULL - TIME) POHE

### 1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO/OBJECTIVE

#### 1.1. Mục tiêu chung/General Objective

Trang bị cho sinh viên đại học Quản lý thị trường tri thức để có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có tinh thần trách nhiệm xã hội cao; nắm vững kiến thức cơ bản và hiện đại về kinh tế, quản lý nhà nước về kinh doanh, thương mại; kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về kinh tế, quản lý kinh tế và quản lý thị trường, kiến thức hoạch định chiến lược, chính sách trong kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; tư duy độc lập; có năng lực tự học tập, nghiên cứu, tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể/Specific Objectives

**Về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm:** đạt chuẩn đầu ra theo quy định tại Thông tư 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Cụ thể, Chương trình đào tạo POHE ngành Kinh doanh Thương mại, chuyên sâu Quản lý Thị trường hình thành các nhóm năng lực gồm những kiến thức, kỹ năng và thái độ như sau:

*Về kiến thức*, cử nhân Quản lý thị trường được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản, hiện đại về kinh tế, quản lý, xã hội và nhân văn; kiến thức chuyên sâu về quản lý thị trường như tổ chức quản lý thị trường ở trung ương, địa phương; nghiệp vụ chống buôn lậu, chống hàng giả và gian lận thương mại, quản lý an toàn trong kinh doanh thực phẩm, dược phẩm; kiến thức về hải quan, thanh tra, kiểm tra, xuất xứ hàng hóa; kiến thức chuyên sâu về pháp luật thương mại nói chung và pháp luật liên quan đến quản lý thị trường nói riêng; kiến thức chuyên sâu về kinh tế thương mại; thương mại quốc tế, hải quan, kinh doanh thương mại dịch vụ và hoạt động thương mại ở các doanh nghiệp.

*Về kỹ năng*, Cử nhân Quản lý thị trường có năng lực phối hợp hoạt động theo nhóm và khả năng hoạt động độc lập, tự chủ; phong cách làm việc chuyên nghiệp; thành thạo kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề chuyên môn; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn quản lý thị trường được đào tạo.

*Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm*: Cử nhân Quản lý thị trường có tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo, có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

*Trình độ ngoại ngữ và tin học*: đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

### ***1.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp/ Job opportunity after graduate***

Cử nhân Quản lý thị trường làm việc tại các cơ quan đơn vị có chức năng liên quan đến quản lý thị trường; các cơ quan quản lý, nghiên cứu, hoạch định chính sách thương mại; chính sách thị trường; các cơ sở đào tạo và nghiên cứu về quản lý thị trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan khác. Cụ thể, sinh viên ra trường có thể giữ những vị trí sau:

- Cán bộ ở Tổng cục Quản lý Thị trường và các đơn vị thuộc Tổng cục
- Cán bộ tại các Cục/Đội Quản lý Thị trường các địa phương
- Cán bộ tại các cơ quan quản lý, nghiên cứu, hoạch định chính sách thương mại, chính sách thị trường ở Trung ương và địa phương; Giảng viên các trường đại học, cao đẳng có đào tạo quản lý thị trường, quản lý thương mại, kinh doanh thương mại;
- Cán bộ tại các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh; công ty xuất nhập khẩu, công ty thương mại....

## **2. CHUẨN ĐẦU RA (theo Thông tư 07/2015)**

### **2.1. Kiến thức/ Knowledge**

#### **2.1.1. Kiến thức cơ bản:**

Cử nhân ngành Quản lý thị trường có kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội nói chung và kiến thức về kinh doanh - quản lý thị trường nói riêng.

- Nắm vững kiến thức về kinh tế thị trường và các quy luật kinh tế - xã hội; nắm vững đường lối, chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà nước; chính sách và các xu thế hội nhập kinh tế quốc tế; có kiến thức rộng về văn hóa - xã hội trong nước và quốc tế;

- Nắm vững kiến thức về kinh doanh và quản trị, về quản lý nhà nước về kinh tế và thương mại; hiểu biết đầy đủ về pháp luật thương mại và quản lý thị trường; kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ, kế toán, thống kê;

#### **2.1.2. Kiến thức chuyên sâu:**

Cử nhân Quản lý thị trường có kiến thức chuyên sâu, hiện đại về quản lý thị trường, am hiểu và vận dụng thành thạo nghiệp vụ quản lý thị trường cụ thể như điều tra thị trường, thanh tra - kiểm tra hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, nghiệp vụ chống buôn lậu, chống hàng giả và gian lận thương mại ở các môi trường thương mại truyền thống và điện tử, nghiệp vụ kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, kiến thức về tổ chức bộ máy và các hoạt động tác nghiệp quản lý thị trường.

### **2.2. Kỹ năng/ Skills**

#### **2.1.1. Kỹ năng chuyên môn**

- Kỹ năng phân tích, tổng hợp, dự báo các vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản lý thị trường;

- Kỹ năng phát hiện và xử lý các tình huống phát sinh trong tổ chức, triển khai hoạt động quản lý thị trường;

- Kỹ năng phân tích, đánh giá, tìm hiểu nguyên nhân vấn đề và đề xuất các giải pháp xử lý tình huống;

- Kỹ năng giải quyết xung đột giữa các chủ thể có liên quan trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

#### **2.1.2. Kỹ năng mềm**

- Các kỹ năng về giao tiếp, truyền thông như kỹ năng truyền đạt thông tin, kỹ năng thuyết trình, báo cáo, kỹ năng trình bày vấn đề, kỹ năng thiết lập, duy trì và phát triển các mối quan hệ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý thị trường; kỹ năng giao tiếp nội bộ;



- Kỹ năng làm việc nhóm: phối hợp, phân công công việc, lãnh đạo và thu hút các thành viên trong nhóm;

- Các kỹ năng mềm khác như kỹ năng quản lý bản thân, quản lý thời gian, kỹ năng xây dựng kế hoạch và quản lý công việc, kỹ năng đối diện và vượt qua các thách thức, áp lực trong công việc...

### ***2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm/ Self-control and self-responsibility***

- Có lập trường tư tưởng chính trị đúng đắn; có ý thức tôn trọng và chấp hành nghiêm các chính sách, pháp luật của Nhà nước;

- Có đạo đức, trung thực, bản lĩnh và trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo, có tinh thần hợp tác trong công việc.

- Có khả năng tự thích nghi, tự định hướng trong thực thi nhiệm vụ được giao;

- Có năng lực lập kế hoạch, điều phối công việc của bản thân; phát huy trí tuệ tập thể, có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

- Có ý thức trau dồi, rèn luyện, phấn đấu vươn lên trong nghề nghiệp.

### ***2.4. Tin học / Computer skills***

Chuẩn đầu ra tin học tương đương IC3 (Máy tính căn bản 650 điểm; Phần mềm máy tính 720 điểm; Kết nối trực tuyến 620 điểm) hoặc ICDL (phần cơ bản) được ban hành và công bố theo Quyết định số 2249 /QĐ-ĐHKQTĐ ngày 27/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

### ***2.5. Ngoại ngữ / Foreign language skills***

Chuẩn đầu ra tiếng Anh tương đương IELTS 6.0 (được ban hành và công bố theo Quyết định số 1277/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 29/12/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân).

## **3. NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC / LEARNER CAPABILITIES**

Sau khi học xong chương trình đào tạo đại học định hướng ứng dụng POHE ngành Kinh doanh Thương mại chuyên sâu Quản lý thị trường, sinh viên có khả năng:

**PLO1. Kiến thức nền tảng (Functional Knowledge):** Sinh viên có hiểu biết các lý thuyết về kinh tế, quản lý và thương mại, hiểu biết các chức năng và nguyên lý hoạt động cơ bản của một tổ chức. Sinh viên có khả năng tổng hợp và vận dụng kiến thức nền tảng để phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn quản lý thị trường.

**PLO2. Môi trường trong nước và môi trường toàn cầu (The domestics and global environment):**

- Sinh viên có hiểu biết về môi trường kinh doanh trong nước và quốc tế và tác động của các yếu tố môi trường kinh doanh đến hoạt động quản lý thị trường và hoạt

động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Sinh viên có nhận thức và hiểu biết về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và có khả năng lĩnh hội và vận dụng các kiến thức này vào thực tiễn công việc.

- Sinh viên có hiểu biết về pháp luật nói chung, pháp luật về kinh doanh và quản lý thị trường nói riêng và có khả năng vận dụng vào thực tiễn công việc và cuộc sống.

**PLO3. Kỹ năng phân tích (Technical skills):**

- Sinh viên hiểu được các quy luật trong kinh tế và quản lý thương mại, hiểu và vận dụng được các nguyên tắc, quy trình và các yếu tố ảnh hưởng đến việc ra các quyết định liên quan đến các hoạt động quản lý thị trường.

- Sinh viên hiểu và vận dụng được các kỹ năng về công nghệ thông tin cần thiết để thực hiện công việc chuyên môn, tìm kiếm thông tin, phân tích và xử lý thông tin, tổng hợp báo cáo, phân tích thực trạng và giải quyết vấn đề liên quan đến quản lý thị trường.

**PLO4. Tích hợp (Intergrative Areas):** Sinh viên có khả năng tích hợp các kiến thức chung về kinh tế, kinh doanh, luật, thương mại, tài chính và các kiến thức chuyên sâu về quản lý thị trường để phát hiện vấn đề, xác định nguyên nhân, giải quyết vấn đề phát sinh trong thực tiễn quản lý thị trường.

**PLO5. Kỹ năng giao tiếp (Communication Skills):** Sinh viên có kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm trong giao tiếp cá nhân và tổ chức với các hình thức giao tiếp khác nhau (trực tiếp, gián tiếp qua văn bản, thiết bị, phương tiện trao đổi thông tin...); có khả năng thuyết trình chuyên môn, có kỹ năng đàm phán và giải quyết xung đột phát sinh trong thực tiễn quản lý thị trường cả bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh.

**PLO6. Kỹ năng làm việc nhóm (Teamwork Skills):** Sinh viên có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm trong môi trường làm việc đa văn hóa, hội nhập và nhiều sức ép. Sinh viên có kỹ năng và thái độ làm việc tích cực, hợp tác, tôn trọng đồng nghiệp và tổ chức.

**PLO7. Giải quyết vấn đề (Problem Solving):** Sinh viên có khả năng vận dụng linh hoạt, sáng tạo các kiến thức và kỹ năng được đào tạo để giải quyết các vấn đề, tình huống phát sinh trong thực tiễn công việc quản lý thị trường.

**4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 134 tín chỉ**

134 tín chỉ (viết tắt là TC), không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng, các lớp tiếng Anh tăng cường do chuyên gia nước ngoài giảng dạy và các lớp kỹ năng mềm.



## 5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH /APPLICANTS FOR ENROLLMENT

Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân và quy định tuyển chọn vào Chương trình POHE.

## 6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP/STUDY PROCESS AND GRADUATION REQUIREMENTS

• **Thời gian đào tạo (theo thiết kế)** là 4 năm, bao gồm cả học tăng cường tiếng Anh và thời gian thực tập.

• **Điều kiện tốt nghiệp:** Theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế quốc dân và quy định riêng biệt trong quy chế đào tạo áp dụng cho các sinh viên theo học chương trình POHE. Sinh viên phải hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc và số học phần tự chọn theo yêu cầu của chương trình đào tạo, tổng lượng kiến thức là 134 tín chỉ và phải hoàn thành các học phần Giáo dục thể chất và đạt chứng chỉ Giáo dục quốc phòng.

Đồng thời, sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra Tin học và ngoại ngữ theo quy định của dành cho sinh viên Chương trình POHE.

## 7. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ:

Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

Các học phần của chương trình được đánh giá theo thang điểm 10 hoặc thang điểm 4, được ghi cả bằng số và bằng chữ. Thang điểm 10 được quy đổi sang điểm chữ như sau:

a) Loại đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Từ 8,5 đến 10	A	4,0
2	Từ 8,0 đến 8,4	B+	3,5
3	Từ 7,0 đến 7,9	B	3,0
4	Từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5
5	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
6	Từ 5,0 đến 5,4	D+	1,5

b) Loại không đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
----	---------------	----------------	--------------



1	Từ 4,5 đến 4,9	D	1,0
2	Dưới 4,5	F	0,0

## 8. CẤU TRÚC, NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

### 8.1. Cấu trúc kiến thức

Kiến thức	Khối lượng (Tín chỉ)	Ghi chú
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>47</b>	
1.1. Các học phần chung	23	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	Trường quy định bắt buộc
1.3. Các học phần của ngành	12	
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>83</b>	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	15	
2.2. Kiến thức ngành	47	
2.3. Kiến thức chuyên sâu	9	
2.4. Thực tập	12	
2.4.1 Thực tập 1	4	
2.4.2 Thực tập 2 (Khóa luận tốt nghiệp)	8	
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>130</b>	Không kể GDQP&AN và GDTC

### 8.2. Nội dung Chương trình đào tạo (dự kiến)

#### 8.2.1. Thiết kế các học phần theo module

TT tổ hợp	Mã học phần <i>Code</i>	Học phần <i>Courses</i>	Tín chỉ <i>Credits</i>	Ngôn ngữ giảng <i>Teaching languages</i>	Bắt buộc/Lựa chọn
<b>Module 1: Lý luận chính trị và tư tưởng Hồ Chí Minh</b>			<b>11</b>		
1	LLNL1105	Triết học Mác Lê Nin <i>Phylosophy of Maxism-Leninism</i>	3	Tiếng Việt	Bắt buộc
2	LLNL1106	Kinh tế chính trị Mác - Lênin <i>Political economics of Maxism-Leninism</i>	2	Tiếng Việt	Bắt buộc

TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Bắt buộc/Lựa chọn
3	NNNL1107	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific socialism</i>	2	Tiếng Việt	Bắt buộc
4	NNNL1102	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of Vietnamese Communist Party</i>	2	Tiếng Việt	Bắt buộc
5	LLTT1101	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2	Tiếng Việt	Bắt buộc
<b>Module 2: Toán – tin</b>			<b>9</b>		
1	TOCB1110	Toán cho các nhà kinh tế <i>Mathematics for Economics</i>	3	Tiếng Việt	Bắt buộc
2	TKKD1129	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh <i>Statistics for Economic and Business</i>	3	Tiếng Việt	Bắt buộc
3	TIHT1102	Hệ thống thông tin quản lý <i>Management Information Systems</i>	3	Tiếng Việt	Bắt buộc
<b>Module 3: Kinh tế học</b>			<b>6</b>		
1	KHMI1101E	Kinh tế vi mô 1 <i>Microeconomics 1</i>	3	Tiếng Việt và Tiếng Anh	Bắt buộc
2	KHMA1101E	Kinh tế vĩ mô 1 <i>Macroeconomics 1</i>	3	Tiếng Việt và Tiếng Anh	Bắt buộc
<b>Module 4: Ngoại ngữ</b>			<b>12</b>		
1	TAAEP01 TAAEP02 TAAEP03	Ngoại ngữ (Tiếng Anh) <i>Foreign Language (English)</i>	12	Tiếng Việt	Bắt buộc
<b>Module 5: Kiến thức cơ sở về kinh doanh và quản trị</b>			<b>12</b>		
1	QTTH1102E	Quản trị kinh doanh <i>Business Management</i>	3	Tiếng Anh	Bắt buộc
2	MKMA1104E	Marketing căn bản	3	Tiếng	Bắt buộc

TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Bắt buộc/Lựa chọn
		<i>Principles of Marketing</i>		Anh	
3	KTKE1101	Nguyên lý kế toán <i>Accounting Principles</i>	3	Tiếng Việt	Lựa chọn
4	PTCC1128	Phương pháp nghiên cứu kinh tế - xã hội <i>Socio-Economic Research Method</i>	3	Tiếng Việt	Lựa chọn
<b>Module 6: Kiến thức về kinh tế và quản lý</b>			<b>12</b>		
1	TMKQ1108E	Hội nhập kinh tế quốc tế <i>International Economic Integration</i>	3	Tiếng Anh	Bắt buộc
2	TMQT1119	Thương mại quốc tế 1 <i>International Trade 1</i>	3	Tiếng Việt	Bắt buộc
3	TMQT1107	Kinh tế Hải quan <i>Customs Management</i>	3	Tiếng Việt	Bắt buộc
4	NHCO1005	Quản lý Thuế <i>Tax Management</i>	3	Tiếng Việt	Bắt buộc
<b>Module 7: Luật</b>			<b>9</b>		
1	LUCS1129	Pháp luật đại cương <i>Fundamentals of Laws</i>	3	Tiếng Việt	Bắt buộc
2	LUCS1114	Luật hành chính <i>Administration Law</i>	3	Tiếng Việt	Bắt buộc
3	LUKD1118	Pháp luật kinh doanh <i>Business Law</i>	3	Tiếng Việt	Lựa chọn
<b>Module 8: Kiến thức về Quản lý thị trường</b>			<b>12</b>		
1	POHE-TMKT	Quản lý thị trường (*) <i>Market Surveilance</i>	3	Tiếng Việt	Bắt buộc
2	TMKT1109	Kinh tế Thương mại 1 <i>Trade Economics 1</i>	3	Tiếng Việt	Bắt buộc
3	QLKT1112	Quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường <i>Economic Management and Market</i>	3	Tiếng Việt	Bắt buộc



TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Bắt buộc/Lựa chọn
		<i>Economy</i>			
4	TMQT1111	Chính phủ điện tử <i>E - Government</i>	3	Tiếng Việt	Bắt buộc
<b>Module 9: Quản trị kinh doanh</b>			<b>27</b>		
1	TMKT1115E	Kinh doanh Thương mại <i>Commercial Business</i>	3	Tiếng Anh	Bắt buộc
2	TMKT1101E	Giao dịch và đàm phán kinh doanh <i>Business Communication and Negotiation</i>	3	Tiếng Anh	Bắt buộc
3	TMQT1118	Thương mại điện tử <i>Electronic Commerce</i>	3	Tiếng Việt	Bắt buộc
4	TMKD1102E	Kinh doanh quốc tế <i>International Business</i>	3	Tiếng Anh	Bắt buộc
5	TMKT1121E	Kinh doanh Logistics <i>Logistics business</i>	3	Tiếng Anh	Lựa chọn
6	TMKT1140	Chuyên đề Quản trị có trách nhiệm <i>Responsible Management</i>	3	Tiếng Việt	Lựa chọn
7	NLQT1103E	Quản trị nhân lực <i>Human Resource Management</i>	3	Tiếng Anh	Lựa chọn
8	NHTC1102	Quản trị tài chính <i>Financial Management</i>	3	Tiếng Việt	Lựa chọn
9	TMKD1123E	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu <i>Global Supply Management</i>	3	Tiếng Anh	Lựa chọn
<b>Module 10: Nghiệp vụ Quản lý thị trường</b>			<b>24</b>		
1	TMKT1112	Bao bì, thương hiệu hàng hoá và tiêu chuẩn chất lượng <i>Merchandise Packaging, Branding and Quality Standards</i>	3	Tiếng Việt	Bắt buộc
2	POHE-TMKT	Nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành (*) <i>Inspection Practices</i>	3	Tiếng Việt	Bắt buộc

TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Bắt buộc/Lựa chọn
3	POHE-TMKT	Nghiệp vụ điều tra (*) <i>Market Surveillance Practices</i>	3	Tiếng Việt	Bắt buộc
4	POHE-TMKT	Phòng chống gian lận thương mại (*) <i>Unfair competition methods</i>	3	Tiếng Việt	Lựa chọn
5	POHE-TMKT	Quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm và dược phẩm (*) <i>Food and Drug Administration</i>	3	Tiếng Việt	Lựa chọn
6	TMKT	Bảo hộ sở hữu trí tuệ <i>Intellectual Property Protection</i>	3	Tiếng Việt	Lựa chọn
7	TMKT	Nghiệp vụ điều tra thị trường <i>Detective Practices</i>	3	Tiếng Việt	Lựa chọn
8	TMQT1121	Thương phẩm học hàng hóa <i>Product Management</i>	3	Tiếng Việt	Lựa chọn
<b>Module 11: Thực tập Quản lý thị trường</b>			<b>14</b>		
1	POHE-TMKT	Đề án ngành (chuyên sâu về Quản lý thị trường) (*) <i>Major Research Paper</i>	2	Tiếng Việt	Bắt buộc
2	POHE TMKT1148	Thực tập 1: Thực hành tìm hiểu quản lý thị trường (*) (5 tuần) <i>Internship 1</i>	4	Tiếng Việt và Tiếng Anh	Bắt buộc
3	POHE TMKT1149	Thực tập 2: Tổ chức và quản lý thị trường (*) (10 tuần) Khóa luận tốt nghiệp <i>Internship 2: Graduation Thesis</i>	8	Tiếng Việt và Tiếng Anh	Bắt buộc
<b>40</b>		<b>Tổng số TC toàn khóa</b>	<b>130</b>		

**Ghi chú:** - (\*): Những môn có thực hành (ITC thực hành).

**Danh sách các học phần dạy bằng tiếng Anh**

TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Bắt buộc/Lựa chọn
<b>Tổng số tín chỉ (chưa bao gồm 16TC của học phần tiếng Anh)</b>			<b>47</b>		
1	KHMI1101E	Kinh tế vi mô 1 <i>Microeconomics 1</i>	3	Tiếng Anh	Bắt buộc
2	KHMA1101E	Kinh tế vĩ mô 1 <i>Macroeconomics 1</i>	3	Tiếng Anh	Bắt buộc
3	QTTH1102E	Quản trị kinh doanh <i>Business Management</i>	3	Tiếng Anh	Bắt buộc
4	MKMA1104E	Marketing căn bản <i>Principles of Marketing</i>	3	Tiếng Anh	Bắt buộc
5	TMKQ1108E	Hội nhập kinh tế quốc tế <i>International Economic Integration</i>	3	Tiếng Anh	Bắt buộc
6	TMKT1115E	Kinh doanh Thương mại <i>Commercial Business</i>	3	Tiếng Anh	Bắt buộc
7	TMKT1101E	Giao dịch và đàm phán kinh doanh <i>Business Communication and Negotiation</i>	3	Tiếng Anh	Bắt buộc
8	TMKD1102E	Kinh doanh quốc tế <i>International Business</i>	3	Tiếng Anh	Bắt buộc
9	TMKT1121E	Kinh doanh Logistics <i>Logistics business</i>	3	Tiếng Anh	Lựa chọn
10	NLQT1103E	Quản trị nhân lực <i>Human Resource Management</i>	3	Tiếng Anh	Lựa chọn
11	TMKD1123E	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu <i>Global Supply Management</i>	3	Tiếng Anh	Lựa chọn
12	POHE TMKT1148	Thực tập 1: Thực hành tìm hiểu quản lý thị trường (*) (5 tuần) <i>Internship 1</i>	4	Tiếng Việt và Tiếng Anh	Bắt buộc
13	POHE TMKT1149	Thực tập 2: Khóa luận tốt nghiệp: Tổ chức và quản lý thị trường (*) (10 tuần) Khóa luận tốt nghiệp <i>Internship 2: Graduation Thesis</i>	8	Tiếng Việt và Tiếng Anh	Bắt buộc



**Danh sách các học phần có dạy thực hành, thực tập**

1	Mã học phần <i>Code</i>	Học phần <i>Courses</i>	Tín chỉ <i>Credits</i>	Ngôn ngữ giảng <i>Teaching languages</i>	Bắt buộc/Lựa chọn
<b>Tổng số tín chỉ thực hành, thực tập tại công giới</b>			<b>19</b>		
1	POHE-TMKT	Quản lý thị trường (*) <i>Market Surveilance</i>	1	Tiếng Việt	Bắt buộc
2	POHE-TMKT	Nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành (*) <i>Inspection Practices</i>	1	Tiếng Việt	Bắt buộc
3	POHE-TMKT	Nghiệp vụ điều tra (*) <i>Market Surveillance Practices</i>	1	Tiếng Việt	Bắt buộc
4	POHE-TMKT	Đề án ngành (chuyên sâu về Quản lý thị trường) (*) <i>Major Research Paper</i>	2	Tiếng Việt	Bắt buộc
5	POHE-TMKT	Phòng chống gian lận thương mại (*) <i>Unfair competition methods</i>	1	Tiếng Việt	Lựa chọn
6	POHE-TMKT	Quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm và dược phẩm (*) <i>Food and Drug Administration 2</i>	1	Tiếng Việt	Lựa chọn
7	POHE TMKT1148	Thực tập 1: Thực hành tìm hiểu quản lý thị trường (*) (5 tuần) <i>Internship 1</i>	4	Tiếng Việt	Bắt buộc
8	POHE TMKT1149	Thực tập 2: Khóa luận tốt nghiệp: Tổ chức và quản lý thị trường (*) (10 tuần) Khóa luận tốt nghiệp <i>Internship 2: Graduation Thesis</i>	8	Tiếng Việt và Tiếng Anh	Bắt buộc

### 8.2.2. Thiết kế các học phần theo chương trình đào tạo

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Module	Học kỳ Semester							
							1	2	3	4	5	6	7	8
<b>1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>				<b>47</b>										
<b>1.1. Các học phần chung</b>				<b>23</b>										
1	1	LLNL1105	Triết học Mác Lê Nin <i>Philosophy of Maxism-Leninism</i>	3	Tiếng Việt	1	3							
2	2	LLNL1106	Kinh tế chính trị Mác - Lênin <i>Political economics of Maxism-Leninism</i>	2	Tiếng Việt	1	2							
3	3	NNNL1107	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific socialism</i>	2	Tiếng Việt	1	2							
4	4	NNNL1102	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of Vietnamese Communist Party</i>	2	Tiếng Việt	1	2							
5	5	LLTT1101	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2	Tiếng Việt	1	2							
6	6-8	TAAEP01 TAAEP02 TAAEP03	Ngoại ngữ (Tiếng Anh) <i>Foreign Language (English)</i>	12	Tiếng Việt	4	8	4						
		GDTC	Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	X	Tiếng Việt		x	x	x	x				
		GDQP	Giáo dục quốc phòng (**) <i>Military Education</i>	X	Tiếng Việt				x					
<b>1.2. Các học phần bắt buộc của Trường</b>				<b>12</b>										
7	1	KHMI1101E	Kinh tế vi mô 1 <i>Microeconomics</i>	3	Tiếng Anh	3	3							

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Module	Học kỳ Semester											
							1	2	3	4	5	6	7	8				
			I															
8	2	KHMA1101E	Kinh tế vĩ mô 1 <i>Macroeconomics I</i>	3	Tiếng Anh	3		3										
9	3	TOCB1110	Toán cho các nhà kinh tế <i>Mathematics for Economics</i>	3	Tiếng Việt	2		3										
10	4	LUCS1129	Pháp luật đại cương <i>Fundamentals of Laws</i>	3	Tiếng Việt	7		3										
<b>1.3. Các học phần của ngành</b>				12														
11	1	QTTH1102E	Quản trị kinh doanh <i>Business Management</i>	3	Tiếng Anh	5		3										
12	2	TKKD1129	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh <i>Statistics for Economics and Business</i>	3	Tiếng Việt	2				3								
13	3	TIHT1102	Hệ thống thông tin quản lý <i>Management Information Systems</i>	3	Tiếng Việt	2				3								
14	4	MKMA1104E	Marketing căn bản <i>Principles of Marketing</i>	3	Tiếng Anh	5				3								
<b>2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>				<b>83</b>														
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>				<b>15</b>														
15	1	TMKQ1108E	Hội nhập kinh tế quốc tế <i>International Economic Integration</i>	3	Tiếng Anh	6												
16	2	KTKE1101	Nguyên lý kế toán <i>Accounting Principles</i>	3	Tiếng Việt	5												
17	3	TMQT1119	Thương mại	3	Tiếng Việt	6												



TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Module	Học kỳ Semester											
							1	2	3	4	5	6	7	8				
			quốc tế 1 <i>International Trade 1</i>		Việt													
18	4	TMKT1115E	Kinh doanh Thương mại <i>Commercial Business</i>	3	Tiếng Anh	9												
19	5	TMQT1107	Kinh tế Hải quan <i>Customs Management</i>	3	Tiếng Việt	6												
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>																		
<b>2.2.1. Các học phần bắt buộc</b>				<b>38</b>														
20	1	POHE-TMKT	Quản lý thị trường (*) <i>Market Surveillance</i>	3	Tiếng Việt	8					3							
21	2	NHCO1005	Quản lý Thuế <i>Tax Management</i>	3	Tiếng Việt	8					3							
22	3	TMKT1112	Bao bì, thương hiệu hàng hoá và tiêu chuẩn chất lượng <i>Merchandise Packaging, Branding and Quality Standards</i>	3	Tiếng Việt	10					3							
23	4	TMKT1109	Kinh tế Thương mại 1 <i>Trade Economics 1</i>	3	Tiếng Việt	8												
24	5	TMKT1101E	Giao dịch và đàm phán kinh doanh <i>Business Communication and Negotiation</i>	3	Tiếng Anh	9					3							
25	6	TMQT1118	Thương mại điện tử <i>Electronic Commerce</i>	3	Tiếng Việt	9					3							
26	7	QLKT1112	Quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị	3	Tiếng Việt	6												3

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Module	Học kỳ Semester												
							1	2	3	4	5	6	7	8					
			trường <i>Economic Management and Market Economy</i>																
27	8	TMQT1111	Chính phủ điện tử <i>E - Government</i>	3	Tiếng Việt	8													3
28	9	TMKD1102E	Kinh doanh quốc tế <i>International Business</i>	3	Tiếng Anh	9													3
29	10	POHE-TMKT	Nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành (*) <i>Inspection Practices</i>	3	Tiếng Việt	10													
30	11	POHE-TMKT	Nghiệp vụ điều tra (*) <i>Market Surveillance Practices</i>	3	Tiếng Việt	10													
31	12	LUCS1114	Luật hành chính <i>Administration Law</i>	3	Tiếng Việt	7													
32	14	TMKT1133	Đề án ngành (chuyên sâu về Quản lý thị trường) (*) <i>Major Research Paper</i>	2	Tiếng Việt	10													3
<b>2.2.2. Các học phần tự chọn (SV tự chọn 03 trong 06 học phần sau)</b>				<b>9</b>															
33-35	1	TMKT1121E	Kinh doanh Logistics <i>Logistics business</i>	3	Tiếng Anh	9													3
	2	TMKT1140	Chuyên đề Quản trị có trách nhiệm <i>Responsible Management</i>	3	Tiếng Việt	9													3
	3	LUKD1118	Pháp luật kinh doanh <i>Business Law</i>	3	Tiếng Việt	7													3

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Module	Học kỳ Semester										
							1	2	3	4	5	6	7	8			
	4	NLQT1103E	Quản trị nhân lực <i>Human Resource Management</i>	3	Tiếng Anh	9							3				
	5	NHTC1102	Quản trị tài chính <i>Financial Management</i>	3	Tiếng Việt	9									3		
	6	PTCC1128	Phương pháp nghiên cứu kinh tế - xã hội <i>Socio-Economic Research Method</i>	3	Tiếng Việt	9									3		
<b>2.3. Kiến thức chuyên sâu (SV tự chọn 03 trong 06 học phần sau)</b>				<b>9</b>													
36-38	1	POHE-TMKT	Phòng chống gian lận thương mại (*) <i>Unfair competition methods</i>	3	Tiếng Việt	10								3			
	2	POHE-TMKT	Quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm và dược phẩm (*) <i>Food and Drug Administration</i>	3	Tiếng Việt	6								3			
	3	TMKT	Bảo hộ sở hữu trí tuệ <i>Intellectual Property Protection</i>	3	Tiếng Việt	5								3			
	4	TMKT	Nghiệp vụ điều tra thị trường <i>Detective Practices</i>	3	Tiếng Việt	5								3			
	5	TMQT1121	Thương phẩm học hàng hóa <i>Product Management</i>	3	Tiếng Việt	5									3		
	6	TMKD1123E	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	3	Tiếng Anh	5									3		



TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng dạy Teaching languages	Module	Học kỳ Semester											
							1	2	3	4	5	6	7	8				
			Global Supply Management															
39-40	2.4. Thực tập Quản lý thị trường Internship			12	Tiếng Việt	11												
	1	POHE TMKT1148	Thực tập 1: Thực hành tìm hiểu quản lý thị trường (*) (5 tuần) Internship 1	4	Tiếng Việt/ Anh	11												
	2	POHE TMKT1149	Thực tập 2: Khóa luận tốt nghiệp: Tổ chức và quản lý thị trường (*) (10 tuần) Internship 2: Graduation Thesis	8	Tiếng Việt/ Anh	11												
<b>Tổng số tín chỉ toàn khóa</b>				<b>130</b>														

**Ghi chú:** (\*): Những môn có thực hành, thực tế và sự tham gia giảng dạy của GV từ cơ quan thực tiễn (ITC thực hành).

(\*\*) Các học phần Giáo dục thể chất của POHE Quản lý thị trường có đặc thù riêng của nghề nghiệp. Đề nghị học các môn võ thuật (Karatedo và Teakwondo) và môn Bơi lội.

### 8.3. Xây dựng các học phần theo ACBSP

#### Bảng mã hóa chuẩn đầu ra (PLO)

PLO1	<b>Kiến thức nền tảng (Functional Knowledge):</b> Sinh viên có hiểu biết các lý thuyết về kinh tế, quản lý và thương mại, hiểu biết các chức năng và nguyên lý hoạt động cơ bản của một tổ chức. Sinh viên có khả năng tổng hợp và vận dụng kiến thức nền tảng để phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn quản lý thị trường.
PLO2	<b>Môi trường trong nước và môi trường toàn cầu (The domestics and global environment):</b> - Sinh viên có hiểu biết về môi trường kinh doanh trong nước và quốc tế và tác động của các yếu tố môi trường kinh doanh đến hoạt động quản lý thị trường và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. - Sinh viên có nhận thức và hiểu biết về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và có khả năng lĩnh hội và vận dụng các kiến thức này vào thực tiễn công việc.

	- Sinh viên có hiểu biết về pháp luật nói chung, pháp luật về kinh doanh và quản lý thị trường nói riêng và có khả năng vận dụng vào thực tiễn công việc và cuộc sống.
PLO3	<p><b>Kỹ năng phân tích (Technical skills):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên hiểu được các quy luật trong kinh tế và quản lý thương mại, hiểu và vận dụng được các nguyên tắc, quy trình và các yếu tố ảnh hưởng đến việc ra các quyết định liên quan đến các hoạt động quản lý thị trường.</li> <li>- Sinh viên hiểu và vận dụng được các kỹ năng về công nghệ thông tin cần thiết để thực hiện công việc chuyên môn, tìm kiếm thông tin, phân tích và xử lý thông tin, tổng hợp báo cáo, phân tích thực trạng và giải quyết vấn đề liên quan đến quản lý thị trường.</li> </ul>
PLO4	<p><b>Tích hợp (Intergrative Areas):</b> Sinh viên có khả năng tích hợp các kiến thức chung về kinh tế, kinh doanh, luật, thương mại, tài chính và các kiến thức chuyên sâu về quản lý thị trường để phát hiện vấn đề, xác định nguyên nhân, giải quyết vấn đề phát sinh trong thực tiễn quản lý thị trường.</p>
PLO5	<p><b>Kỹ năng giao tiếp (Communication Skills):</b> Sinh viên có kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm trong giao tiếp cá nhân và tổ chức với các hình thức giao tiếp khác nhau (trực tiếp, gián tiếp qua văn bản, thiết bị, phương tiện trao đổi thông tin...); có khả năng thuyết trình chuyên môn, có kỹ năng đàm phán và giải quyết xung đột phát sinh trong thực tiễn quản lý thị trường cả bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh.</p>
PLO6	<p><b>Kỹ năng làm việc nhóm (Teamwork Skills):</b> Sinh viên có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm trong môi trường làm việc đa văn hóa, hội nhập và nhiều sức ép. Sinh viên có kỹ năng và thái độ làm việc tích cực, hợp tác, tôn trọng đồng nghiệp và tổ chức.</p>
PLO7	<p><b>Giải quyết vấn đề (Problem Solving):</b> Sinh viên có khả năng vận dụng linh hoạt, sáng tạo các kiến thức và kỹ năng được đào tạo để giải quyết các vấn đề, tình huống phát sinh trong thực tiễn công việc quản lý thị trường.</p>

## 9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN / INSTRUCTION

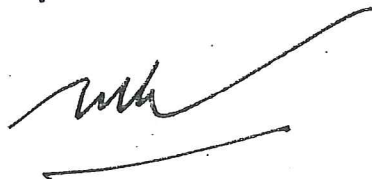
- CTĐT được thực hiện trong 04 năm. Mỗi năm có 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ (học kỳ hè học chuyên gia) theo học chế tín chỉ.

- Nội dung cần đạt được của từng học phần, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong Đề cương chi tiết mỗi học phần. Đề cương chi tiết của từng học phần phải gắn với chuẩn đầu ra của chuyên ngành đào tạo.

- Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên cần tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra tin học và ngoại ngữ theo công bố của Chương trình Tiên tiến, Chất lượng cao và POHE, có chứng chỉ GDQP-AN và hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

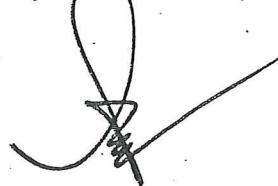
Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2021

**VIỆN TRƯỞNG**



**PGS.TS. Tạ Văn Lợi**

**HIỆU TRƯỞNG**



**PGS.TS. Phạm Hồng Chương**